

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 31 - 7 - 2025.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, bà Hoàng Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại hội trường Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 18/7/2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thanh N, sinh năm 1996 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

HKTT: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: 200/5 U, phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ sau sáp nhập: 2 U, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Tần Văn T, sinh năm 1994 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ sau sáp nhập: Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh N trình bày:* Chị N và anh Tần Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/02/2020 UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk).

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Mặc dù vợ chồng cũng như gia đình hai bên khuyên nhủ, nói chuyện nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị N thấy mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị N yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Tần Văn T.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Tần Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi được lời khai.

Qua biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân thì Chính quyền địa phương cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N, anh T cụ thể như thế nào thì ban tự quản thôn không nắm rõ vì không yêu cầu hòa giải tại địa phương. Tuy nhiên, từ năm 2021 chị N và anh T không còn chung sống với nhau.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh N được ly hôn với anh Tần Văn T. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Chị Đỗ Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tần Văn T có nơi cư trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Tần Văn T mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh N với anh Tần Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 11/02/2020. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, cũng như quá trình tham gia tố tụng chị Đỗ Thị Thanh N trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã cho chị N có thời gian suy nghĩ chuyện tình cảm vợ chồng, nhưng chị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có hướng khắc phục, thời gian sống ly thân kéo dài, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn nên chị giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập lên ghi nhận lời khai và hòa giải nhưng anh T không hợp tác. Như vậy, HĐXX xác định quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giải quyết cho chị Đỗ Thị Thanh N được ly hôn với anh Tàn Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đỗ Thị Thanh N không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh N được ly hôn với anh Tàn Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0003219 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Đắk Lắk).

5. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã E K;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đình Nam